

Số: /TB-HVDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc quy đổi tương đương mức điểm giữa các phương thức
xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2025**

Căn cứ Thông báo số 22/TB-HVDT ngày 21/7/2025 của Học viện Dân tộc về thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trình độ đại học hệ chính quy đợt 1, năm 2025; Học viện thông báo quy đổi tương đương mức điểm giữa các phương thức xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2025 như sau:

1. Nguyên tắc quy đổi

- Điểm trúng tuyển của phương thức 100 (sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT) và phương thức 401 (sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội – HSA, Đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.) được quy đổi bằng phương pháp bách phân vị để tìm ra các mức điểm chuẩn tương đương giữa hai phương thức xét tuyển.

- Điểm trúng tuyển của các phương thức được quy đổi về thang 30 tương đương theo tổ hợp gốc (là tổ hợp phù hợp nhất với ngành/nhóm ngành mà thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển) của phương thức 100 và không xây dựng quan hệ bắc cầu với các tổ hợp khác.

2. Cách thức quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển với phương thức 100

Thí sinh sử dụng bảng quy đổi tương đương điểm chuẩn giữa phương thức 100 (sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT) với các phương thức sử dụng bảng quy đổi tại phụ lục kèm theo thông báo này.

2.1 Quy đổi theo điểm của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Các mốc quy đổi giữa điểm tổ hợp SPT sang điểm Tốt nghiệp THPT

	C00 SPT	C00 THPT	C03 SPT	C03 THPT	C04 SPT	C04 THPT	D01 SPT	D01 THPT
Top 3	26,07	29,58	22,85	27,00	23,45	27,50	25,12	
0,50%	24,90	29,25	21,55	26,75	22,15	27,25	22,80	27,75
1%	24,65	29,00	21,45	26,25	21,75	26,75	22,60	26,25
2%	24,15	28,75	21,15	25,75	21,20	26,25	21,90	26,00
5%	22,85	28,25	19,75	25,25	20,00	25,50	20,50	25,75
10%	22,20	28,00	18,90	24,50	19,40	24,75	19,55	24,75
15%	21,75	27,75	18,20	24,00	18,55	24,25	18,85	24,00
20%	21,15	27,50	17,90	23,75	18,25	24,00	18,20	23,50
25%	20,60	27,25	17,50	23,35	17,90	23,75	17,85	23,00
30%	20,60	27,25	16,90	23,00	17,60	23,50	17,20	22,75
35%	20,20	27,00	16,80	22,85	17,05	23,20	16,95	22,25

40%	19,70	26,75	16,45	22,60	16,45	22,85	16,55	22,00
45%	19,15	26,50	16,05	22,35	16,20	22,70	15,90	21,60
50%	18,75	26,25	15,70	22,10	15,85	22,50	15,65	21,25
55%	18,35	26,00	15,30	21,85	15,35	22,10	15,30	21,00
60%	18,00	25,75	14,80	21,60	14,90	21,85	14,90	20,75
65%	17,65	25,50	14,45	21,35	14,45	21,60	14,30	20,00
70%	17,30	25,25	14,00	21,10	14,20	21,35	14,05	19,75
75%	16,50	24,75	13,55	20,75	13,55	21,00	13,45	19,25
80%	16,10	24,50	13,15	20,45	13,15	20,60	12,95	18,85
85%	15,45	23,85	12,60	20,00	12,55	20,10	12,35	18,35
90%	14,55	23,10	11,85	19,35	11,85	18,50	11,65	17,75
95%	13,40	21,75	10,40	18,35	10,80	18,50	10,60	16,75
100%	7,90	13,35	6,25	12,45	7,15	12,40	5,40	9,75

2.2 Quy đổi theo điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA)
Học viện lấy điểm sàn từ 75/150 tương đương 20,25 điểm thi tốt nghiệp THPT. Chi tiết như sau:

Điểm HAS (thang 150)	Điểm ĐQĐNL quy đổi tương đương điểm thi TN THPT (thang điểm 30)	Điểm HAS (thang 150)	Điểm ĐQĐNL quy đổi tương đương điểm thi TN THPT (thang điểm 30)
≥130	30,00	102	24,50
129	27,75	101	24,26
128	27,66	100	24,25
127	27,57	99	24,00
126	27,55	98	24,00
125	27,52	97	23,75
124	27,50	96	23,52
123	27,27	95	23,50
122	27,26	94	23,25
121	27,25	93	23,02
120	27,05	92	23,00
119	27,00	91	22,75
118	26,75	90	22,70
117	26,75	89	22,50
116	26,52	88	22,26
115	26,50	87	22,25
114	26,27	86	22,00
113	26,25	85	21,75
112	26,00	84	21,75
111	25,76	83	21,50
110	25,75	82	21,35
109	25,52	81	21,25

108	25,50	80	21,02
107	25,27	79	21,00
106	25,25	78	20,75
105	25,00	77	20,54
104	24,76	76	20,50
103	24,75	75	20,25

2.3 Điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA)

Học viện Dân tộc lấy điểm sàn từ 50/100 tương đương 21,35 điểm thi tốt nghiệp THPT, chi tiết như sau:

Điểm TSA (thang điểm 100)	Điểm ĐQĐTD quy đổi tương đương điểm thi TN THPT (thang điểm 30)
$50,00 \leq \text{TSA} \leq 50,99$	21,35
$51,00 \leq \text{TSA} \leq 51,99$	21,75
$52,00 \leq \text{TSA} \leq 52,99$	22,25
$53,00 \leq \text{TSA} \leq 53,99$	22,85
$54,00 \leq \text{TSA} \leq 54,99$	23,25
$55,00 \leq \text{TSA} \leq 55,99$	23,60
$56,00 \leq \text{TSA} \leq 56,99$	24,10
$57,00 \leq \text{TSA} \leq 57,99$	24,50
$58,00 \leq \text{TSA} \leq 58,99$	24,75
$59,00 \leq \text{TSA} \leq 59,99$	25,25
$60,00 \leq \text{TSA} \leq 60,99$	25,50
$61,00 \leq \text{TSA} \leq 61,99$	25,75
$62,00 \leq \text{TSA} \leq 62,99$	26,00
$63,00 \leq \text{TSA} \leq 63,99$	26,25
$64,00 \leq \text{TSA} \leq 64,99$	26,50
$65,00 \leq \text{TSA} \leq 65,99$	26,75
$66,00 \leq \text{TSA} \leq 66,99$	27,00
$67,00 \leq \text{TSA} \leq 68,99$	27,25
$69,00 \leq \text{TSA} \leq 69,99$	27,50
$70,00 \leq \text{TSA} \leq 71,99$	27,75
$72,00 \leq \text{TSA} \leq 73,99$	28,00
$74,00 \leq \text{TSA} \leq 74,99$	28,25
$75,00 \leq \text{TSA} \leq 76,99$	28,50
$77,00 \leq \text{TSA} \leq 79,99$	28,75
$80,00 \leq \text{TSA} \leq 82,99$	29,00
$83,00 \leq \text{TSA} \leq 84,99$	29,25
$\text{TSA} \geq 85,00$	30,00

3 Bảng quy đổi mức điểm giữa các phương thức xét tuyển mã 200, 301, 500 (thang điểm 30)

Học viện lấy điểm sàn từ 15 điểm trở lên, tương đương 15 điểm thi tốt nghiệp THPT. Chi tiết như sau:

Điểm học bạ (thang điểm 30)	Điểm quy đổi tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT (thang điểm 30)
15	15
16	16
17	17
18	18
19	19
20	20
21	21
22	22
23	23
24	24
25	25
26	26
27	27
28	28
29	29
30	30

4. Thông tin tuyển sinh

Văn phòng tư vấn tuyển sinh: Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Tầng 2, nhà C, Học viện Dân tộc, Khu Đô thị Dream Town, Đường 70, Phường Xuân Phương (Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm cũ), Hà Nội.

Hotline: 0963.842.699, 0947.605.286, 0968.355.984

Website: <http://www.hvdt.edu.vn>

Email: phongdaotao@hvdt.edu.vn; tuyensinh@hvdt.edu.vn

Học viện Dân tộc trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Giám đốc HVDT (để b/c);
- Chủ tịch Hội đồng HVDT;
- Các Phó giám đốc HVDT;
- Thành viên HĐTS;
- Các đơn vị trong HVDT;
- Website HVDT;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TS. Phạm Xuân Hoàng

